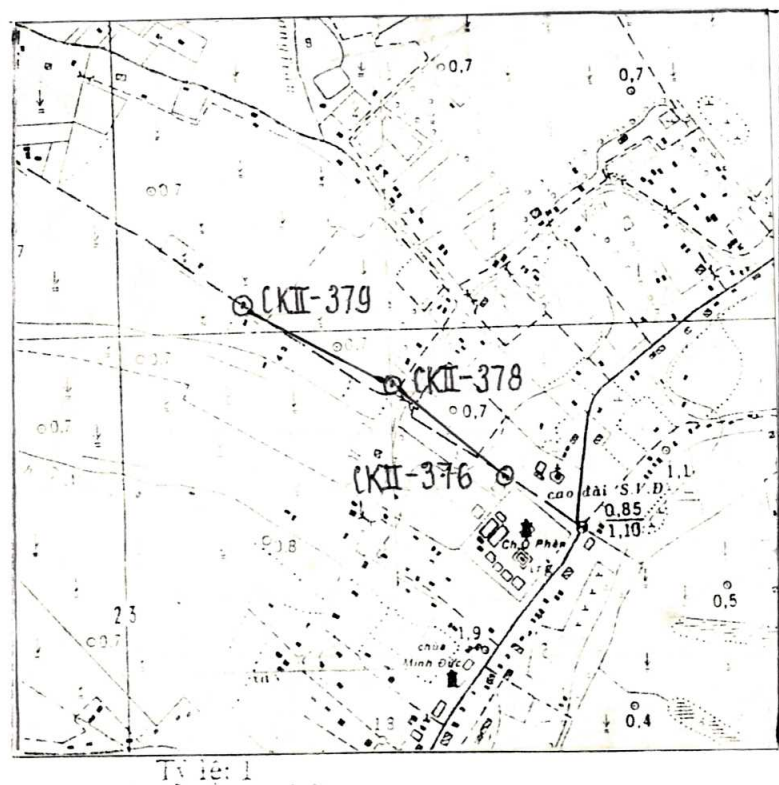


# GHỊ CHÚ ĐIỂM TOạ ĐỘ

Tên điểm: \_\_\_\_\_ Số hiệu: CKII-378 Mảnh bản đồ: C-48-81-A-d-4  
 Phương pháp đo: Đường chuyền Cấp, hạng: ĐC II  
 Trị giá khái lược \_\_\_\_\_ Độ cao: 1.0 m Kinh độ: 106° 07' 5  
 \_\_\_\_\_ Vĩ độ: 9° 51' 2  
 Loại đất: Đất từ Chất đất: đất thịt  
 Nơi đặt mốc: Tnon (ban, lang): Ấp III Xã (thị trấn, phường): Phong Thạnh  
 Huyện (Quận): Cầu Kè Tỉnh (Thành phố): Trà Vinh  
 Nơi ở gần nhất: Nhà ông Huỳnh Tân Phong Khoảng cách tới điểm: 15 m km  
 Người chọn: Hà Văn Hy Đơn vị chọn: XNTĐ 203 - Công ty địa ốc địa chính và Công trình  
 Ngày 13 tháng 4 năm 2000

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Điểm thông hướng:

(Tên, số hiệu, cấp, hạng điểm liên quan mà từ mặt cắt điểm trạm đo nhìn thông suốt tới điểm liên quan)

Điểm:

CKII-376  
CKII-379

Họ, tên, địa chỉ người

chọn điểm:

Huỳnh Tân Phong  
Ấp: III  
Xã: Phong Thạnh  
Huyện: Cầu Kè  
Tỉnh: Trà Vinh

Số liệu đo mốc (mm)

Từ văn d-điểm đến:	Lần 1	Lần 2	T.B	Chiều cao các tầng mốc
Đáy mốc	1765	1768	1766	
Trung tâm mốc dưới				
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên	1364	1366	1365	401
Mặt đất	1188	1189	1188	177
Mặt tường vôi hoặc mặt đất sau khi đắp				

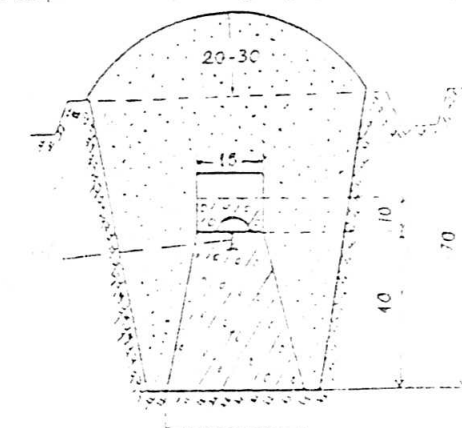
Sơ đồ vị trí điểm



Tỷ lệ: 1/1000

Đơn vị chôn mốc, làm tường vôi:  
XNTĐ 203 - Công ty địa ốc địa chính và Công trình  
 Người chôn mốc:  
Nguyễn Bá Tung  
 Loại mốc: Chôn đất  
 Ngày 13 tháng 4 năm 2000

Hình vẽ mặt cắt mốc, tường vôi (đơn vị cm)



Vịc	Tên và chú thích	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn (m)
A	Cột điện Cao thế số 11	Tây Nam 1.3
E	Gốc cây bàng	Đông Nam 12.4
C	Gốc cây dừa	Nam Tây Nam 14.2

Điểm này Tán dụng mốc cũ, gia cư, chôn trung mốc

Tên điểm: \_\_\_\_\_ Số hiệu: \_\_\_\_\_ Cấp, hạng: \_\_\_\_\_

Điểm này đo nội độ cao bằng: \_\_\_\_\_ Cấp, hạng: \_\_\_\_\_

Đường đi đến điểm (đường ô tô, sắt, thủy, số KM):

Từ bến xe huyện Cầu Kè theo quốc lộ 54 đi ô tô hướng Tiểu Cần đến ngã tư chợ Phong Thạnh khoảng 9.0 km xuống xe rẽ trái đi xe bus đến ngã tư chùa Ô Phên khoảng 1.5 km xuống xe rẽ trái theo đường đi Ô Râm qua cầu bê tông khoảng 350 tới điểm (điểm chôn tại vườn ông Huỳnh Tân Phong cách đầu cầu bê tông khoảng 4m)  
 Có quân gia cố mốc, tường vôi, lập ghi chú điểm

Ngày 13 tháng 4 năm 2000

Người làm ghi chú điểm:

Hà Văn Hy

Ngày 16 tháng 4 năm 2000

Người kiểm tra

Phạm Văn Kocuy



## - HƯỚNG DẪN LẬP GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Bản ghi chú điểm tọa độ này sử dụng để làm ghi chú điểm tọa độ Nhà nước các Q. bang I, II, III (cơ sở), IV và địa chính I, II. Sử dụng mực màu đen để điền viết hoặc đánh máy theo chế độ nghiêng chữ, số, nét vẽ phải rõ ràng, cẩn thận, đậm nét để đảm bảo khi photocopy được ban rõ nét.

1. Tên điểm : Lấy theo địa danh nơi đặt điểm địa phương thường dùng ở vùng dân tộc ít người chỉ phiên âm trong ngoặc đơn. Các điểm địa chính I, II thường không có tên điểm.

2. Số hiệu, cấp hàng điểm: Theo quy định trong luận chung kinh tế - kỹ thuật: ĐKKT - KT và theo  
tế thị công.

3. Hình bản đồ số: Là phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình lưới chiếu Gauss, tỉ lệ 1 : 100 000 đối với điểm cấp II, III, IV Nhà nước và tỉ lệ 1 : 50 000 đối với điểm địa chính I, II.

phương pháp đo : Theo quy định trong LCKT - KT, thí dụ : Công nghệ GPS, định chuyên ... và thực tế thi công.

5. Giá trị khối lược : Lấy theo số liệu trên bản đồ ở mục 3. Độ cao lấy đến một kinh độ đến 0,1°.

c. Loại đất : Đất công hay từ tự nhân sự dụng, chất đất theo thực tế. Nếu gần trên vật kiến trúc, trên mặt đất gần với mặt nước, mặt đất bằng, nền đất... - đất ruộng, đất canh tác.

- Nội thất mới: Là căn nhà hiện tại. Mọi làm trên hệ gỗ. Tủn cửa phải ghi tên đương nh.

g. Tại gần đây: Là tại thôn Sơn Mỹ, xã Ngọc Mỹ, huyện Ngọc Mỹ, tỉnh Bạc Liêu, địa phương này có diện tích đất trồng lúa là 1.000 ha, trong đó có 500 ha là đất trồng lúa nước, 500 ha là đất trồng lúa khô.

Tham khảo đơn vị khác để vận hành tốt và chi phí ít hơn.

ĐẢNG THƯỜNG XUYÊN: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - ĐẢNG VÀ QUÂN CHÚNG TỎ MẶT TRƯỚC QUÂN GIặc

[illegible]

14. Người cần được là người có họ Khau thường trú ở địa phương, ghi địa chỉ cụ thể.

10. Số hiệu đề mộc: Chỉ có hai chôn mộc từ hai tầng trở lên hoặc mộc có hai đầu mộc. Số hiệu lấy từ số đề mộc Điểm tọa độ hàng IV Nhà nước, điểm địa chính 1, II không có mục này. Các điểm gần trục vật kiến trúc thường cũng không có mục này.

14. S. Cho vệt điểm  $10 \times 9$  cm và vật chuẩn. Chọn tỷ lệ thích hợp để vẽ được 3 vật chuẩn nằm trong cùng số đo. Chỉ vẽ các yếu tố chính có liên quan đến điểm điểm. Vật chuẩn phải là các địa vật có định. 6n định sau đây ở thực địa. Ký hiệu và số hiệu điểm quy định như ở mục 11 nhưng không tô đặc, có chấm ở tâm ký hiệu

15. Người, đơn vị chôn mìn, làm tường vây : Mìn nào không làm gạch ngang để bỏ.

16. Loại mốc: Mốc chôn 2 hoặc 3 tầng, mốc gắn trên núi đá, nền đá 2 tầng, mốc gắn trên vật kiến trúc 1 hoặc 2 tầng, bề thiên văn (nếu trùng vào bề thiên văn).

17. Hình vẽ mặt cắt : Theo sơ đồ ghi chú điểm cũ (móc chôn cũ) và theo thực tế chôn mới, làm tương tự với mỗi

15. Điểm này : Tân dụng mộc cũ, gia cố, chôn gạch ngang bờ vực không làm. Nếu chôn mộc mới không gạch bó và không điền viết mục này

19. Điểm này có nội dung cho bằng (Công nghệ GPS, di động, hoặc tương đương) trở lên. Thí dụ: (Công nghệ GPS, di động, hoặc tương đương) trở lên. Thí dụ: (Công nghệ GPS, di động, hoặc tương đương) trở lên.

20. Đường đi tới điểm : Ghi rõ đi từ địa điểm cụ thể nào phương tiện gì. Nếu đi bộ qua rừng, núi thì phải ghi thời gian đi và phòng chừng quãng đường.

[illegible]

Đã Người làm gì để làm người khác? Ghi rõ họ tên, địa chỉ, đơn vị.

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

Long Thanks

CHIẾU CHỨC ĐIỂN TOA ĐỘ

TÊN ĐIỂM : \_\_\_\_\_

SỐ HIỆU : CKII-378

CẤP, HẠNG : ĐL II

NĂM 2000